

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2020
“V/v Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.
2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 96/2020/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020.

- Nguyên đơn: Đặng Thị Bích H, sinh năm 1985;

- Bị đơn: Đồng Văn G, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã P, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chị H có mặt, Anh G vắng mặt tại phiên tòa (Anh G có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 18-3-2020, ngày 13-4-2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Đặng Thị Bích H trình bày :

Vào năm 2008 chị Đặng Thị Bích H và anh Đồng Văn G có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Hồng Ngự, vợ chồng có 02 con chung tên là Đồng Đặng Hoàng K, sinh ngày 27-7-2007; Đồng Đặng Duy K, sinh ngày 22-7-2011. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh G đi làm ăn xa hay uống rượu, ăn chơi thiếu trách nhiệm với gia đình và có lời lẽ thô tục xúc phạm chị H, chị H đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh G vẫn không thay đổi nên từ đó tình cảm vợ chồng bị rạn nứt mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể sống chung lâu dài được nữa và vợ chồng đã ly thân năm 2019 cho đến nay. Nay chị H khởi kiện yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích H yêu cầu được ly hôn với anh Đồng Văn G.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đồng Đặng Hoàng K, sinh ngày 27-7-2007; Đồng Đặng Duy K, sinh ngày 22-7-2011. Chị H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung vì hiện nay hai con chung đang sống với chị.

+ Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh Giang cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Đồng Văn G trình bày: Anh G thống nhất về quá trình sống chung cũng như tình trạng hôn nhân và con chung. Anh thừa nhận trước đây anh có chơi cờ bạc thiếu trách nhiệm với gia đình, nhưng thời gian gần đây anh không còn tham gia tệ nạn xã hội nữa, lo làm phụ vợ nuôi con. Nên qua yêu cầu của vợ anh không đồng ý vì còn thương vợ thương con. Nhưng nếu Tòa án cho ly hôn thì anh có nguyện vọng:

+ Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi con chung Đồng Đặng Duy K, sinh ngày 22-7-2011.

+ Về cấp dưỡng: Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Tuy nhiên khi thực hiện việc hòa giải tại bút lục số 37, 51 nguyên đơn không ký tên vào biên bản là vi phạm khoản 4 Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Theo đơn khởi kiện ngày 18-3-2020 và ngày 13-4-2020 Chị Đặng Thị Bích H yêu cầu ly hôn với anh Đồng Văn G và yêu cầu được nuôi con, nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật về ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Căn cứ theo khoản 1 Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tân Hồng.

Tại phiên tòa bị đơn Đồng Văn G có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh G.

[2] *Về nội dung tranh chấp*:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích H và anh Đồng Văn G có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện Hồng Ngự theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 143, quyển số 02 ngày 26-7-2008 nên hôn nhân của chị H và anh G là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*". Chị H cho rằng cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh G có tham gia tệ nạn xã hội (đánh bài) thiếu trách nhiệm với gia đình và đã có nhiều lần xúc phạm chị H làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt và không thể chung sống lâu dài được nữa nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho tới nay và trong thời gian vợ chồng ly thân giữa chị H và G vẫn không thể hàn gắn tình cảm được. Do đó nhận thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Bích H được ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Chị Đặng Thị Bích H yêu cầu được nuôi dưỡng Đồng Đăng Hoàng K, sinh ngày 27-7-2007; Đồng Đăng Duy K, sinh ngày 22-7-2011, anh Đồng Văn G có yêu cầu được nuôi Đồng Đăng Duy K, sinh ngày 22-7-2011. Nhưng xét thấy hện hai cháu Hoàng K và Duy K đang sống với chị H và có nguyện vọng được sống chung với chị H. Xét thấy theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “... 2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Căn cứ điều luật này và xét thấy hai cháu Hoàng K, Duy K có nguyện vọng sống chung với chị H, nên giao 02 con chung Đồng Đăng Hoàng K, sinh ngày 27-7-2007; Đồng Đăng Duy K, sinh ngày 22-7-2011 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Đồng Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

+ Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tuy nhiên khi thực hiện việc hòa giải tại bút lục số 37, 51 nguyên đơn không ký tên vào biên bản nhưng tại phiên tòa nguyên đơn có ý kiến cả hai lần hòa giải nguyên đơn đều có mặt nhưng do sơ sót nên không ký vào biên bản là vi phạm khoản 4 Điều 211 Bộ luật tố tụng dân sự; Vấn đề này viện kiểm sát không có kiến nghị trong vụ án nên hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nội dung vụ án: : Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “ *Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Vậy chị Đặng Thị Bích H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Đồng Văn G không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35,39 Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 56,81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Bích H và anh Đồng Văn G được ly hôn.
- Về con chung: Giao con chung Đồng Đặng Hoàng K, sinh ngày 27-7-2007; Đồng Đặng Duy K, sinh ngày 22-7-2011 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện cháu Hoàng K và Duy K đang sống với chị H); Anh Đồng Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở .
- Về cấp dưỡng: chị Đặng Thị Bích H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đặng Thị Bích H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BH/2018 0008554 ngày 21- 4- 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đồng Văn G không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29- 9- 2020). Riêng đối với bị đơn anh G có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Oanh